

KINH 46. TAM THỂ ẤM THỂ THỰC¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhờ trí tức mạng tự biết rõ những đời sống trước của mình, thì việc đã biết, đang biết, sẽ biết đều phát xuất từ năm thọ ấm này. Việc đã biết đang biết, sẽ biết về đời quá khứ của ta đã từng trải qua, có sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.

“Cái gì có thể phân tán, trở ngại², thì cái đó gọi là sắc thọ ấm³. Như bàn tay, đá, gậy, dao, bị trở ngại bởi ngón tay; hoặc do lạnh, nóng, khát, đói, hoặc do xúc bởi muối mòng, độc trùng, mưa gió; đó gọi là trở ngại do xúc⁴. Cho nên, chướng ngại, đó là sắc thọ ấm. Lại nữa, sắc thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

“Những tướng cảm nhận, đó là thọ thọ ấm⁵. Cảm nhận cái gì? Cảm nhận sự khổ, cảm nhận sự lạc, cảm nhận sự không khổ không lạc. Cho nên gọi tướng cảm nhận là thọ thọ ấm. Lại nữa, thọ thọ ấm này là vô thường, khổ, biến dịch.

“Các tướng, là tướng thọ ấm⁶. Tướng cái gì? Tướng ít, tướng

-
1. Bị uẩn trong ba đời nhai nuốt. Pāli, S. 22. 79. Sīha.
 2. Hán: khả ngại khả phân -i ---i ---R có thể bị gây trở ngại, có thể bị chia chẻ.
 3. Định nghĩa về sắc, xem *Câu-xá 1*: “vì nó biến hoại nên nói là sắc”. Pāli: ruppattīti kho bhikkhave tasmā rūpan’ ti vuccati, này các Tỳ-kheo, nó nào hoại (*tức gây tổn hại*), do đó nó được nói là sắc.
 4. Pāli: kena ruppatti? sītenapi ruppatti uñhenapi ruppatti... dāṃsa-makasa(...)-samphassena ruppatti, nó bị nào hoại bởi cái gì? Nó bị nào hoại bởi lạnh, bởi nóng,... bởi sự xúc chạm của muối mòng...
 5. Chú giác tướng ———. Định nghĩa thọ uẩn, xem *Câu-xá 1*: thọ tức lãnh nạp tùy xúc. Pāli: vedayatī ti kho bhikkhave tasmā vedanā ti, nó cảm nhận, do đó nó được nói là thọ.
 6. Định nghĩa về tướng thủ uẩn, *Câu-xá 1*: “tướng thủ tượng vi thể”, tự thể của tướng là thấu nhận các ấn tượng. Pāli: sañjānātī ti kho bhikkhave tasmā saññā ti vuccati, nó tri giác (*tri nhận*), do đó nó được nói là tướng.

nhiều, tướng vô lượng, hoàn toàn không có gì tướng là không có gì. Đó gọi là tướng thọ ẩm. Lại nữa, tướng thọ ẩm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch.

“Tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ẩm⁷. Tạo tác cái gì? là tạo tác sắc, tạo tác thọ, tướng, hành và thức. Cho nên tướng tạo tác hữu vi là hành thọ ẩm.

“Lại nữa, hành thọ ẩm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

“Tướng phân biệt biết rõ là thức thọ ẩm⁸. Biết rõ cái gì? Là biết rõ sắc, biết rõ thanh, hương, vị, xúc và pháp, cho nên gọi là thức thọ ẩm. Lại nữa, thức thọ ẩm là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

“Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử kia đối với sắc thọ ẩm kia phải học như vậy, ‘Ta nay bị sắc hiện tại ăn⁹. Quá khứ đã từng bị sắc kia ăn, như trong hiện tại.’ Lại nghĩ như vậy: ‘Nay ta đang bị sắc hiện tại ăn, nếu mà ta ham muốn sắc vị lai, thì cũng sẽ bị sắc kia ăn như trong hiện tại.’ Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm sắc quá khứ, không ham muốn sắc vị lai, đối với sắc hiện tại sanh yếm ly, lìa dục, diệt hết tai hại, hướng đến tịch diệt. Đa văn Thánh đệ tử đối với thọ, tướng, hành, thức thọ ẩm hãy học như vậy, ‘Ta nay bị thức hiện tại ăn. Quá khứ đã từng bị thức kia ăn, như trong hiện tại. Nếu mà ta ham muốn thức vị lai, thì cũng sẽ bị thức kia ăn như trong hiện tại.’ Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm thức quá khứ, không ham muốn thức vị lai, đối với thức hiện tại sanh yếm ly, lìa dục, diệt tận¹⁰, hướng đến tịch diệt. Ở đây, diệt chứ không tăng, lui chứ không tiến, diệt chứ không khởi, xả chứ không thủ¹¹.

7. Định nghĩa hành uẩn, Pāli: saṅkhatam abhisāṅkharontī’ti kho bhikkhavve saṅkhārā’ti vuccati, chúng tác thành pháp hữu vi, do đó chúng được nói là các hành.

8. Định nghĩa thức uẩn, *Câu-xá 1*: “thức vị các liễu biệt”, thức là sự nhận thức từng đối tượng cá biệt. Pāli: vijānātī’ ti kho bhikkhave viññānan’ ti vuccati, nó liễu biệt, do đó nó được gọi là thức.

9. Pāli: aṇṇṇaṇṇa etarahi rūpena khajjāmi. Ta ở nơi đây bị sắc nhai nuốt.

10. Trong bản Hán: diệt hoạn 滅患.

11. Diệt nhi bất tăng, thoái nhi bất tiến, diệt nhi bất khởi, xả nhi bất thủ 滅而不增-A退而不進-A滅而不起-A捨而不取. Pāli: apacināti no ācināti, pajahati na upādīyati, visineti na ussineti, vidhūpeti na sandhūpeti, tōṇa giām chú không tích lũy; đoạn trừ chú không chấp thủ; xa lánh chú không gần gũi; làm mất mùi chú không xông ướp mùi.

“Ở nơi cái gì diệt mà không tăng? Sắc diệt mà không tăng. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không tăng.

“Ở nơi cái gì lùi mà không tiến? Sắc lùi mà không tiến. Thọ, tưởng, hành, thức lùi mà không tiến.

“Ở nơi cái gì diệt mà không khởi? Sắc diệt mà không khởi. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không khởi.

“Ở nơi cái gì xả mà không thủ? Sắc xả mà không thủ. Thọ, tưởng, hành, thức xả mà không thủ.

“Diệt chứ không tăng, tịch diệt mà an trụ. Lùi chứ không tiến, im lặng lui mà an trụ. Diệt chứ không khởi, tịch diệt mà an trụ. Xả chứ không thủ, không sanh ra sự trói buộc. Không bị trói buộc, nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi Đức Phật nói kinh này số đông các Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

*Ngã, ty hạ, chủng tử,
Phong trê, ngũ chuyển, thất (xú thiện)
Hai hệ trước và giác,
Tam thế ấm thế thực.*

M

KINH 47. TÍN¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thiện nam có lòng tin, cần suy nghĩ như vậy: ‘Ta nên thuận

¹². Quốc Dịch, phẩm 9, quyển 3. Pāli, S. 22. 147. Kulaputtana-dukkhā, (khổ với thiện gia nam tử).

theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yếm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yếm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.’ Thiện nam tử có lòng tin bền an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều, về yếm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập tu tập nhiều, về yếm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yếm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yếm ly. Do yếm ly mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 48. A-NAN (I)¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thiện nam tử có lòng tin, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, tự nghĩ: ‘Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yếm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yếm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.’ Thiện nam tử có lòng tin bền an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yếm ly đối với sắc; an trụ với sự tu tập, tu tập nhiều về yếm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yếm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yếm ly¹⁴. Ta nói người ấy chắc chắn sẽ được thoát ly khỏi tất cả sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

¹³. Pāli. 22. 147. Kulaputtana-dukkhā.

¹⁴. Trong bản Hán: đặc ly ㄟ—F trong kinh 93: đặc yếm ㄟ—.

KINH 49. A-NAN (2)¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có trưởng giả hay người con trưởng giả nào có lòng tin, đến hỏi người rằng, ‘Ở nơi pháp nào mà biết rõ được sự sanh diệt của nó?’ thì người sẽ trả lời như thế nào?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào, đến hỏi con như vậy, thì con sẽ đáp rằng, ‘Biết sắc là pháp sanh diệt; biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.’ Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào hỏi như vậy, thì con sẽ trả lời như vậy.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết... thức.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 50. A-NAN (3)¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có các ngoại đạo xuất gia đến hỏi người rằng, ‘A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh.’ Được hỏi như vậy, nên đáp thế nào?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

¹⁵. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

¹⁶. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

“Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia đến hỏi con rằng, ‘A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh?’ Thì con sẽ trả lời rằng, ‘Vì để đối với sắc, tu tập yếm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên Đức Thế Tôn dạy tu các phạm hạnh. Vì để đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yếm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.’ Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia hỏi như vậy, thì con cũng sẽ đáp như vậy.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Thật vậy, Ta vì đối với sắc mà tu tập yếm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yếm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M